

Số: 60/2024/QĐST-HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 19 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ khoản 2 Điều 149 và các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 101/2024/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị **Sùng Thị M**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: **Khu D thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

- Anh **Phạm Văn T**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: **Phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 người yêu cầu chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** kết hôn với nhau vào ngày 20/03/2008 tại **UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên** là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi

với nhau về chuyện tình cảm, tính cách vợ, chồng thay đổi, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Vợ, chồng chị **M** và anh **T** đã sống ly thân. Trong thời gian vợ, chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ, chồng không còn. Trong quá trình giải quyết việc dân sự chị **M** và anh **T** không đưa ra biện pháp gì để cải thiện cuộc sống chung của vợ, chồng. Hiện tại chị **M** và anh **T** vẫn đang sống ly thân, Tòa án tổ chức phiên hòa giải để chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** đoàn tụ nhưng không thành, chị **M** và anh **T** đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ, chồng không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị **M** và anh **T**.

[2] Về con chung: Chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** thỏa thuận thống nhất, chị **Sùng Thị M** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục **Sùng Phạm Hiếu V**, sinh ngày 23/8/2009 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh **Phạm Văn T** được quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Phạm Văn T** và chị **Sùng Thị M** thỏa thuận, thống nhất anh **Phạm Văn T** cấp dưỡng nuôi con chung là **Sùng Phạm Hiếu V** với số tiền 3.000.000đ/tháng, đến khi cháu **V** đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, phương thức cấp dưỡng gửi vào tài khoản của chị **Sùng Thị M** là người đại diện hợp pháp cho con **Sùng Phạm Hiếu V**, số tài khoản 7803205014399, **Ngân hàng A**.

[4] Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** tự thỏa thuận, thống nhất chị **Sùng Thị Minh c** lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 94, ngày 20/03/2008 tại **UBND xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên**.

- Về con chung: Chị **Sùng Thị M** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục **Sùng Phạm Hiếu V**, sinh ngày 23/8/2009 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh **Phạm Văn T** được quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Phạm Văn T** cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Sùng Phạm Hiếu V** với số tiền 3.000.000đ/tháng, đến khi cháu **V**

đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng vào ngày mùng 01 hàng tháng, phương thức cấp dưỡng gửi vào tài khoản của chị **Sùng Thị M** là người đại diện hợp pháp của con Sùng **Phạm Hiểu V**, số tài khoản 7803205014399, **Ngân hàng A**.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Sùng Thị M** và anh **Phạm Văn T** thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự do chị **Sùng Thị M** nộp. Vậy chị **M** phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 và được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị **M** đã nộp 300.000 đồng vào ngày 17 tháng 7 năm 2024 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; Ký hiệu: BLTU/23, số: 0000630 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát tỉnh Lai Châu.
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CCTHADS huyện Sìn Hồ;
- UBND phường Nam Thanh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Mạnh Trang**